

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **600/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-4-2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1484/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kiều T, sinh năm 1971 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông E Shun L, sinh năm 1963 (có đơn vắng mặt).

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Đinh Thị Kiều T:

Bà và ông E Shun Liang tự nguyện kết hôn vào ngày 21 tháng 6 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H, vào sổ đăng ký kết hôn số 846, quyển số 4.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu thì hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm sống, phong tục tập quán và nuôi dạy con chung. Bà và ông E Shun Liang nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề. Tháng 10 năm 2019, ông E Shun L trở về Đài

Loan sinh sống, làm việc; bà vẫn ở lại Việt Nam. Sau khi về Đài Loan thì thỉnh thoảng giữa bà và ông E Shun Liang có liên lạc để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không đạt được kết quả; dần về sau thì không còn liên lạc. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông E Shun Liang ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Đinh Thị Kiều T và ông E Shun L có hai con chung là E Ngọc V, sinh ngày 04/11/1995 và E Tấn T1, sinh ngày 20/9/1999, đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị Kiều T khai không có.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông E Shun L trình bày:

Tại văn bản đồng ý ly hôn của ông E Shun L đã được chứng nhận Hợp pháp hóa Lãnh sự tại Sở Ngoại vụ Thành phố H ngày 07/01/2021 có nội dung: Ông E Shun L xác nhận lời trình bày của bà Đinh Thị Kiều T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà T. Ông E Shun L cũng yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đinh Thị Kiều T đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông E Shun L hiện đang sinh sống tại nước ngoài. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Kiều T, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 846, quyền số 4 cấp ngày 21/6/1994 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Đinh Thị Kiều T và ông E Shun Liang thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông E Shun L là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu được ly hôn ông E Shun L vì những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, lại không có thời gian gần gũi nhau trong cuộc sống, cả hai bên cũng thừa nhận không thể giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt và ông E Shun L cũng đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị Kiều T.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà T và ông E Shun Liang mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kiều T được ly hôn ông E Shun L.

Về con chung: Bà Đinh Thị Kiều T và ông E Shun L có hai con chung là E Ngọc V, sinh ngày 04/11/1995 và E Tấn T1, sinh ngày 20/9/1999, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị Kiều T và ông E Shun L khai không có.

[3] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Đinh Thị Kiều T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị Kiều T và ông E Shun Liang có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Kiều T.

Quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Kiều T được ly hôn ông E Shun L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 846, quyển số 4 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 21 tháng 6 năm 1994 cho bà Đinh Thị Kiều T và ông E Shun Liang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có hai con chung là E Ngọc V, sinh ngày 04/11/1995 và E Tấn T1, sinh ngày 20/9/199, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đinh Thị Kiều T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093495 ngày 07/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đinh Thị Kiều T đã nộp đủ.

3. Bà Đinh Thị Kiều T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông E Shun Liang được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/18b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận Gò Vấp, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên